

Số: *197* /CNĐP-QLKC  
V/v hướng dẫn xây dựng kế  
hoạch khuyến công 2011

*Hà Nội, ngày 14 tháng 6 năm 2010*

Kính gửi: Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

Để tổng hợp, xây dựng và trình cơ quan có thẩm quyền phê duyệt kế hoạch kinh phí khuyến công (KHKPKC) quốc gia và địa phương năm 2011, Cục Công nghiệp địa phương (Cục CNĐP) đề nghị các Sở/đơn vị tiến hành xây dựng KHKPKC năm 2011 theo các nội dung chủ yếu như sau:

### **I. Đánh giá tình hình thực hiện KHKPKC năm 2010**

Các Sở Công Thương/các đơn vị liên quan tổng hợp số liệu, lập báo cáo đánh giá kết quả thực hiện 6 tháng đầu năm và dự kiến kết quả thực hiện cả năm 2010; phương hướng mục tiêu chung là phấn đấu hoàn thành tốt nhất kế hoạch KPKC được giao. Báo cáo tập trung đánh giá các nội dung:

1. Tình hình triển khai kế hoạch và kết quả thực hiện kế hoạch kinh phí khuyến công được giao (khuyến công quốc gia và khuyến công địa phương) cần phân tích rõ những nhân tố ảnh hưởng đến kết quả thực hiện như: ảnh hưởng của suy giảm kinh tế đến cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn (CNNT), biến động của các tổ chức dịch vụ khuyến công tại địa phương; chế độ quản lý và sử dụng kinh phí khuyến công, thủ tục giải ngân, thanh quyết toán kinh phí tại địa phương; giao và điều hành KHKPKC của Bộ Công Thương, Cục CNĐP và UBND cấp tỉnh.

2. Kết quả và đánh giá kết quả thực hiện từng nội dung hoạt động khuyến công theo quy định tại Quyết định số 07/2008/QĐ-BCT ngày 07/5/2008 của Bộ Công Thương về việc ban hành Hệ thống chỉ tiêu theo dõi, giám sát Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 và Hệ thống tiêu chí, chỉ số đánh giá đề án, chương trình khuyến công. Đánh giá chung mặt được, những hạn chế tồn tại và nguyên nhân của những hạn chế tồn tại đó.

3. Những giải pháp thực hiện nhằm hoàn thành kế hoạch KPKC được giao.

## II. Xây dựng KHKPKC năm 2011

Căn cứ Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg; Chương trình khuyến công địa phương, các quy hoạch phát triển công nghiệp và kế hoạch phát triển CN-TTCN của địa phương, các Sở Công Thương/các đơn vị lập KHKPKC năm 2011 theo các định hướng nội dung và trình tự sau:

### 1. Định hướng nội dung hoạt động khuyến công năm 2011

1.1. Kế hoạch khuyến công địa phương năm 2011, tiếp tục triển khai thực hiện các nội dung theo Chương trình khuyến công quốc gia đến năm 2012 (Quyết định số 136/2007/QĐ-TTg) và Chương trình khuyến công địa phương đã được UBND tỉnh, thành phố phê duyệt. Cần căn cứ định hướng kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội và điều kiện cụ thể của mỗi địa phương để xây dựng kế hoạch kinh phí phù hợp cho từng nội dung tại 7 tiêu chương trình.

1.2. Đối với các đề án sử dụng KPKCQG, việc định hướng nội dung hoạt động, lựa chọn, thẩm định, yêu cầu hồ sơ, biểu mẫu, ... thực hiện theo quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT và tại phụ lục 1 kèm theo công văn này.

### 2. Trình tự xây dựng, đăng ký kế hoạch KCQG năm 2011

2.1. Đối với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương

2.1.1. Hướng dẫn các tổ chức dịch vụ khuyến công, cơ sở CNNT trên địa bàn lập đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công.

2.1.2. Tổng hợp, thẩm định và lựa chọn từ các đề án đề nghị hỗ trợ kinh phí khuyến công do cơ sở CNNT, tổ chức dịch vụ khuyến công lập để xây dựng KHKPKC năm 2011, trong đó chia thành 2 nhóm:

(i) Nhóm các đề án sử dụng kinh phí khuyến công địa phương;

(ii) Nhóm các đề án sử dụng kinh phí khuyến công quốc gia. Nhóm các đề án này được lập hồ sơ gửi về Cục CNĐP để xem xét, tổng hợp trình Bộ Công Thương, đồng thời gửi Biểu tổng hợp về UBND cấp tỉnh để báo cáo. *Trước khi gửi hồ sơ đăng ký kế hoạch các Sở Công Thương phải tổ chức thẩm định cấp cơ sở theo quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 của Bộ Công Thương.*

2.1.3. Tài liệu gửi về Cục CNĐP gồm: (i) Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện KHKPKC năm 2010 tại địa phương; (ii) KHKPKC địa phương năm 2011; (iii) Hồ sơ đăng ký đề án thực hiện từ nguồn KPKC quốc gia năm 2011.

2.2. Đối với các tổ chức, đơn vị khác

Ngoài Sở Công Thương các tỉnh, thành phố, các đơn vị khác gồm: Các tổ chức kinh tế, chính trị, xã hội; các Hiệp hội ngành nghề; các Viện, Trường đại học, cao đẳng,...(gọi chung là đơn vị) có thể đăng ký hoặc làm đầu mối tổng hợp đăng ký kế hoạch KPKCQG năm 2011. Trình tự và hồ sơ đăng ký như sau:

2.2.1. Trình tự xây dựng đề án, KHKCQG năm 2011: các đơn vị phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh, thành phố xây dựng đề án, kế hoạch do các tổ chức có chức năng phù hợp trực thuộc thực hiện hoặc trực tiếp tổ chức thực hiện (nếu có chức năng phù hợp). Địa bàn ưu tiên thực hiện tại các tỉnh Trung du và miền núi Bắc bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số tỉnh khó khăn, công nghiệp chậm phát triển và các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008 của Chính phủ về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh và bền vững; 11 xã thí điểm của Trung ương trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

2.2.2. Hồ sơ gửi Cục CNĐP gồm: Báo cáo đánh giá tình hình thực hiện KHKCQG năm 2010 (như mục I của công văn này); kế hoạch kinh phí KCQG năm 2011, gồm Biểu tổng hợp đề án thực hiện năm 2011 (nếu gồm nhiều đề án), kèm các đề án, trong đó có ý kiến đồng ý của Sở Công Thương nơi đề án triển khai thực hiện.


Cục CNĐP đề nghị các Sở Công Thương/các đơn vị liên quan thực hiện tốt các công việc nêu trên, tổng hợp, lập báo cáo KHKPKC năm 2011 gồm các nội dung như hướng dẫn trên và gửi về Cục CNĐP trước ngày 25/6/2010 để kịp tổng hợp và báo cáo./.

*Chú ý: Ngoài gửi chính thức theo đường văn thư đề nghị các đơn vị gửi Biểu tổng hợp các đề án KCQG năm 2011 theo mẫu quy định và biểu tổng hợp KHKPKC địa phương năm 2011 (soạn trên Font chữ "Times New Roman") về Cục CNĐP theo địa chỉ [banpv@moit.gov.vn](mailto:banpv@moit.gov.vn) và [lapld@moit.gov.vn](mailto:lapld@moit.gov.vn) (đối với đề án liên quan đến hỗ trợ cụm CN).*

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Các Hội, Viện, Trường, đơn vị liên quan;
- Bộ trưởng, TT. Nguyễn Nam Hải (để b/c);
- Lãnh đạo Cục;
- Trang Web của Cục CNĐP;
- TTKC&TVPTCN các tỉnh, T.phố;
- IPCI và các phòng thuộc Cục;
- Lưu: VT, QLKC.

**KT. CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CỤC TRƯỞNG**



**Ngô Quang Trung**

## Phụ lục số 1

# HƯỚNG DẪN BỔ SUNG VỀ NỘI DUNG VÀ HỒ SƠ ĐỀ ÁN KHUYẾN CÔNG QUỐC GIA NĂM 2011

(Kèm theo Công văn số ~~11~~ 11/CNĐP-QLKC ngày ~~14~~ 14/6/2010 của Cục Công nghiệp địa phương)

## I. ĐỊNH HƯỚNG VỀ NỘI DUNG

Trong năm 2011, kinh phí khuyến công quốc gia sẽ ưu tiên hỗ trợ như sau:

**1. Về nội dung hoạt động khuyến công:** tập trung ưu tiên thực hiện các nội dung chính sau:

1.1 Hoạt động đào tạo nghề: các đề án đào tạo nghề mới, gắn với nhu cầu sử dụng trực tiếp lao động của cơ sở CNNT. Tập trung hỗ trợ đào tạo một số nhóm ngành nghề chính, như: đào tạo nghề may công nghiệp, da giày; kỹ thuật sản xuất, sửa chữa, gia công cơ khí; kỹ thuật chế biến nông - lâm - thủy hải sản; sản xuất các sản phẩm thủ công mỹ nghệ xuất khẩu đối với các nhóm sản phẩm có tiềm năng phát triển của vùng, gắn với vùng nguyên liệu như: mây tre đan, gốm sứ, cối, thêu ren...

Hỗ trợ KPKC trực tiếp cho doanh nghiệp có đề án tự tổ chức dạy nghề và nhận lao động sau đào tạo vào làm việc **trực tiếp** tại doanh nghiệp thông qua hình thức ký hợp đồng sử dụng lao động. Đào tạo đội ngũ công nhân kỹ thuật do các Viện, Trường, cơ sở dạy nghề thực hiện trên cơ sở đăng ký nhu cầu của các doanh nghiệp, đáp ứng nhu cầu về nguồn nhân lực cho phát triển công nghiệp tại các địa phương, đặc biệt là các doanh nghiệp đầu tư tại các khu, cụm công nghiệp.

1.2. Hoạt động xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật để phổ biến công nghệ mới, sản phẩm mới về các lĩnh vực: sửa chữa, sản xuất máy cơ khí, nông cụ phục vụ nông - lâm - nghiệp, cơ khí tiêu dùng; chế biến nông - lâm - thủy sản; hóa chất phục vụ nông nghiệp nông thôn; công nghiệp tạo mẫu trong ngành có lợi thế; công nghiệp hỗ trợ khác. Các đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật là các đề án phải đầu tư mới (công nghệ mới hoặc sản xuất sản phẩm mới) cần phổ biến nhân rộng; có khả năng kết thúc đầu tư và đi vào sản xuất năm 2011 để phục vụ trình diễn.

1.3. Hoạt động chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến vào các khâu sản xuất công nghiệp, xử lý ô nhiễm môi trường. Công nghệ hỗ trợ chuyển giao là công nghệ thuộc danh mục công nghệ khuyến khích chuyển giao như quy định tại Phụ lục I, Nghị định số 133/2008/NĐ-CP ngày 31/12/2008 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật chuyển giao công nghệ. Công nghệ phải tiến tiến hơn về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với công nghệ cơ sở CNNT đang sử dụng.

1.4. Hoạt động chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại trong các khâu sản xuất, xử lý ô nhiễm môi trường của cơ sở CNNT; tiên tiến hơn về năng suất, chất lượng, hiệu quả so với máy móc thiết bị đang sử dụng và chưa có cơ sở sản xuất nào tại địa bàn cấp huyện đầu tư sử dụng. Thiết bị hiện đại lựa chọn là thiết bị đơn chiếc hoặc nhóm thiết bị chính, đảm bảo được tính mới, tính hiện đại, vượt trội của thiết bị/nhóm thiết bị trên địa bàn cấp huyện. Khi đăng ký nêu rõ tên thiết bị, nước sản xuất, năm sản xuất, công suất thiết kế, đặc tính kỹ thuật, tính hiện đại, vượt trội của thiết bị.

1.5. Hoạt động hỗ trợ thành lập doanh nghiệp tại các địa bàn khó khăn và đặc biệt khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP.

1.6. Hoạt động hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp, đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp tại địa bàn khó khăn theo quy định tại Nghị định số 108/2006/NĐ-CP. Ngoài ra, đối với hỗ trợ đầu tư cơ sở hạ tầng cụm CN còn phải đáp ứng điều kiện cụm CN đã được đầu tư xây dựng hạ tầng tối thiểu đạt 50% tổng mức đầu tư được phê duyệt và có tỷ lệ lấp đầy tối thiểu đạt 50% diện tích đất công nghiệp; địa bàn thực hiện trừ các tỉnh thuộc vùng Tây Nguyên, vùng Trung du miền núi Bắc Bộ và 2 tỉnh Thanh Hóa, Nghệ An ( đã được hỗ trợ hạ tầng cụm CN theo Quyết định số 25 và 27).

1.7. Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia hội chợ triển lãm có quy mô liên tỉnh, liên vùng; hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với sản phẩm CNNT; hỗ trợ các cơ sở CNNT thuê tư vấn nhằm phát huy các lợi thế, nâng cao hiệu quả và khả năng cạnh tranh, tập trung vào các nội dung: lập dự án đầu tư; marketing; quản lý sản xuất, tài chính, kế toán, nhân lực; thiết kế mẫu mã, bao bì đóng gói, đất đai, ứng dụng công nghệ, thiết bị mới liên quan đến sản xuất CNNT.

**2. Về quy mô đề án:** khuyến công quốc gia chỉ hỗ trợ các đề án có quy mô lớn, tầm ảnh hưởng rộng phù hợp với phân cấp tại Điều 6, Thông tư số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009. Quy mô của đề án đào tạo nghề: tối thiểu 100 lao động/đề án đối với các tỉnh thuộc trung du miền núi Bắc Bộ, Tây nguyên, Tây Nam Bộ; các tỉnh còn lại quy mô đề án tối thiểu 200 lao động/đề án. Để giảm bớt số lượng đề án, các thủ tục giấy tờ đề nghị các đơn vị lựa chọn các đề án có quy mô lớn và lập đề án theo nhóm nội dung hoạt động khuyến công để đăng ký KHKPKCQG.

### **3. Các đề án ưu tiên thực hiện**

3.1. Ưu tiên các đề án khuyến công điểm (đề án có quy mô lớn hoặc đề án thực hiện nhiều nội dung hoạt động khuyến công, lồng ghép nhiều nguồn kinh phí, thực hiện trong nhiều năm, trên cùng một địa bàn) tại những huyện, thị có tiềm năng, lợi thế nhưng CN-TTCN còn chưa phát triển. Đề án hỗ trợ cơ sở CNNT phát

triển các sản phẩm công nghiệp nông thôn tiêu biểu được cấp Giấy chứng nhận sản phẩm CNNT tiêu biểu cấp khu vực.

3.2. Ưu tiên hỗ trợ cho các tỉnh thuộc khu vực: Trung du và miền núi Bắc Bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ, các tỉnh công nghiệp chậm phát triển, các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008; 11 xã thí điểm của Trung ương trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.3. Ưu tiên cho các đơn vị thực hiện tốt công tác khuyến công năm 2009 và năm 2010.

3.4. Các tỉnh có các đề án, nhiệm vụ đã được lãnh đạo Bộ thống nhất triển khai tại các Thông báo kết luận của Lãnh đạo Bộ khi làm việc với các địa phương từ năm 2009-2010.

3.5. Các đề án do các Hiệp hội ngành nghề, Hội Nông dân Việt Nam, Liên minh HTX Việt Nam, Cục Kinh tế Bộ Quốc phòng, các đơn vị dịch vụ khuyến công có đủ năng lực,... phối hợp với Sở Công Thương các tỉnh thuộc: Trung du và miền núi Bắc bộ, Tây Nguyên, Tây Nam Bộ và một số tỉnh khó khăn, công nghiệp chậm phát triển và các huyện thuộc 62 huyện nghèo của các tỉnh khác theo Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP ngày 28/12/2008; 11 xã thí điểm của Trung ương trong Chương trình xây dựng nông thôn mới.

3.6. Hỗ trợ các đề án do các Viện, Trường Đại học thực hiện trong các lĩnh vực: đào tạo cán bộ khuyến công; đào tạo khởi sự doanh nghiệp công nghiệp nông thôn gắn với việc tư vấn, hỗ trợ thành lập doanh nghiệp mới; đào tạo, tập huấn, hội thảo nhằm nâng cao năng lực quản lý cho các cơ sở CNNT; biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề; khởi sự doanh nghiệp; quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công.

4. Về mức chi cho hoạt động khuyến công quốc gia (căn cứ để lập dự toán) năm 2011 áp dụng theo Thông tư liên tịch số 125/2009/TTLT/BTC-BCT ngày 17/6/2009 của liên Bộ Tài chính - Bộ Công Thương quy định việc quản lý và sử dụng kinh phí sự nghiệp kinh tế đối với Chương trình khuyến công. Về Dự toán kinh phí: xác định tổng kinh phí cho đề án, trong đó phân rõ cơ cấu nguồn: kinh phí khuyến công (khuyến công quốc gia, khuyến công địa phương); kinh phí đóng góp của tổ chức, cá nhân thụ hưởng; nguồn khác (nếu có). Dự toán kinh phí được lập chi tiết cho từng nội dung công việc theo biểu mẫu quy định (*Phụ lục 3 kèm theo công văn này*) và phải phù hợp với các quy định, định mức hiện hành, có thuyết minh, giải trình các khoản chi phí chi tiết kèm theo. Đối với các đề án khuyến công điểm, thực hiện trong nhiều năm thì kế hoạch kinh phí còn phải được phân bổ theo tiến độ thực hiện hàng năm.

## II. VỀ HỒ SƠ

Ngoài Báo cáo đánh giá kết quả thực hiện KHKPKC năm 2010 của Sở Công Thương như hướng dẫn tại mục I (đối với đơn vị khác như hướng dẫn tại khoản 2.2, Điểm 2, mục II) của Công văn này; các Sở Công Thương/đơn vị gửi về Cục CNĐP 01 bộ hồ sơ đăng ký đề án thực hiện từ nguồn KPKCQG, bao gồm:

1. Văn bản thẩm định của Sở Công Thương/đơn vị gửi Cục CNĐP kèm Biểu tổng hợp các đề án đăng ký thực hiện bằng nguồn kinh phí KCQG theo mẫu quy định.

2. Các đề án KCQG trong biểu tổng hợp như quy định tại Quyết định số 08/2008/QĐ-BCT ngày 12/5/2008 của Bộ Công Thương; ngoài ra tùy dạng đề án còn phải gửi thêm các tài liệu như sau:

TT	Dạng đề án	Tài liệu bổ sung
1	Đào tạo nghề cho lao động mới	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Công văn đề nghị hỗ trợ đào tạo nghề trong đó nêu rõ lý do cần hỗ trợ đào tạo nghề và cam kết tham gia, phối hợp trong quá trình đào tạo, sử dụng lao động sau đào tạo, kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT.</li> <li>- Chương trình đào tạo theo mẫu quy định tại phụ lục số 2, giáo trình hoặc tài liệu đào tạo nghề có xác nhận của Sở Công Thương.</li> <li>- Danh sách trích ngang giảng viên tham gia đào tạo theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo công văn này.</li> <li>- Bản sao hợp lệ bảng cân đối kê toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã).</li> <li>- Đối với người nghèo (tính theo chuẩn nghèo tại quyết định số 170/2005/QĐ-TTg ngày 8/7/2005 của Thủ tướng chính phủ) người dân tộc thiểu số phải có đơn xin học nghề theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo công văn này.</li> </ul>
2	Hoạt động biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo nghề, khởi sự, quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Danh sách trích ngang của cán bộ quản lý, chuyên gia biên soạn theo mẫu quy định tại Phụ lục số 2 kèm theo công văn này.</li> <li>- Đề cương Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu sẽ biên soạn.</li> </ul>
3	Tư vấn hỗ trợ thành lập doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ của tổ chức, cá nhân có nhu cầu thành lập doanh nghiệp.</li> </ul>
4	Tổ chức hội thảo, diễn đàn	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình nội dung hội thảo, bản tóm tắt hoặc đề cương tài liệu Hội thảo.</li> </ul>
5	Đào tạo, tập huấn khởi	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Chương trình, giáo trình hoặc tài liệu đào tạo, tập huấn.</li> </ul>

	sự, quản trị doanh nghiệp CNNT và đào tạo cán bộ khuyến công.	- Danh sách trích ngang giảng viên tham gia đào tạo, tập huấn theo mẫu quy định tại phụ lục số 2 kèm theo công văn này.
6	Xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật phổ biến công nghệ mới, sản phẩm mới	- Văn bản đồng ý tham gia, kèm Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của chủ đầu tư. Ý kiến thẩm tra của Sở Khoa học và Công nghệ về tính mới của công nghệ hoặc ý kiến thẩm định của Sở Công Thương về tính mới của sản phẩm tại địa bàn cấp huyện (đối với ý kiến thẩm định của Sở Công Thương không cần văn bản riêng nếu trong đề án đã nêu rõ). - Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã). - Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế kỹ thuật, kèm quyết định đầu tư của chủ đầu tư.
7	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng công nghệ tiên tiến	- Văn bản đề nghị hỗ trợ, trong đó nêu rõ nhưng nội dung sẽ chuyển giao, kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT nhận chuyển giao. - Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã). - Hợp đồng chuyển giao công nghệ; ý kiến thẩm tra của Sở Khoa học và Công nghệ về Công nghệ chuyển giao
8	Hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng máy móc thiết bị hiện đại	- Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở công nghiệp nông thôn nhận chuyển giao, ứng dụng. - Đối với doanh nghiệp và Hợp tác xã phải có bản sao hợp lệ Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất. - Dự án đầu tư hoặc báo cáo kinh tế - kỹ thuật kèm theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền. - Ý kiến của Sở Công Thương về tính hiện đại, vượt trội và tính mới của máy móc thiết bị tại địa bàn cấp huyện đề nghị hỗ trợ chuyển giao, ứng dụng (nếu không nêu rõ trong đề án).
9	Hỗ trợ cơ sở CNNT tham gia Hội chợ triển lãm	- Văn bản đề nghị hỗ trợ, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước của đơn vị thực hiện.
10	Hỗ trợ xây dựng và đăng ký thương hiệu đối với các sản phẩm CNNT	- Văn bản đề nghị hỗ trợ, trong đó cam kết sẽ thực hiện chiến lược/kế hoạch xây dựng quảng bá thương hiệu của cơ sở CNNT hoặc của Hiệp hội, hội ngành nghề (trường hợp xây dựng thương hiệu tập thể). - Đối với cơ sở CNNT bổ sung bản sao hợp lệ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT.



		<ul style="list-style-type: none"> <li>- Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã).</li> </ul>
11	Hỗ trợ cơ sở CNNT thuê tư vấn khuyến công	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT.</li> <li>- Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã).</li> <li>- Thông tin về năng lực thực hiện, gồm: bảng kê các hoạt động tư vấn tương tự đã và đang thực hiện; danh sách trích ngang của cán bộ tư vấn theo mẫu quy định tại phụ lục số 2 kèm theo công văn này. Đối với đơn vị tư vấn là tổ chức có tư cách pháp nhân phải bổ sung thêm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc tương đương) của đơn vị tư vấn.</li> </ul>
12	Hỗ trợ cơ sở công nghiệp nông thôn tự khảo sát, xúc tiến thương mại ở nước ngoài	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ kinh phí, trong đó cam kết chưa được hỗ trợ từ bất kỳ nguồn kinh phí nào của Nhà nước kèm bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của cơ sở CNNT.</li> <li>- Bản sao hợp lệ bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (đối với doanh nghiệp) hoặc bảng cân đối tài khoản (đối với hợp tác xã).</li> </ul>
13	Hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết Cụm điểm công nghiệp- TTCN	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ lập quy hoạch chi tiết của chủ đầu tư, kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp);</li> <li>- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập cụm công nghiệp của cơ quan có thẩm quyền.</li> <li>- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự toán chi phí lập đồ án quy hoạch được cơ quan có thẩm quyền (trường hợp Quyết định của doanh nghiệp, phải kèm theo văn bản thẩm tra của cơ quan có chuyên môn).</li> </ul>
14	Hỗ trợ đầu tư hạ tầng cụm công nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng cụm công nghiệp của UBND cấp tỉnh;</li> <li>- Văn bản đề nghị hỗ trợ của chủ đầu tư kèm theo bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Bảng cân đối kế toán tại thời điểm gần nhất (trường hợp chủ đầu tư là doanh nghiệp);</li> <li>- Báo cáo kết quả thực hiện dự án đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp (tính đến thời điểm xây dựng đề án xin hỗ trợ) như quy định tại phụ lục số 3 kèm theo Thông tư này;</li> <li>- Bản sao hợp lệ Quyết định thành lập cụm công nghiệp và Quyết định phê duyệt quy hoạch chi tiết của cơ quan có thẩm</li> </ul>

		<p>quyền;</p> <ul style="list-style-type: none"><li>- Bản sao hợp lệ Quyết định phê duyệt dự án đầu tư xây dựng công trình kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đầu tư của cấp có thẩm quyền, kèm theo dự án đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng cụm công nghiệp;</li><li>- Bản sao hợp lệ bản vẽ thiết kế kỹ thuật kèm theo quyết định phê duyệt dự toán chi tiết hạng mục thực hiện của cấp có thẩm quyền.</li></ul>
--	--	--

**Phụ lục số 2**  
**CÁC BIỂU MẪU**

*(Kèm theo Công văn số 497/CNĐP-QLKC ngày 14 tháng 6 năm 2010 của Cục Công nghiệp địa phương)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

---

**ĐƠN XIN HỌC NGHỀ**

**Kính gửi:** *(Tên đơn vị thực hiện đề án)*

Họ và tên:

Ngày, tháng, năm sinh:

Dân tộc:

Nguyên quán:

Hiện có hộ khẩu thường trú tại:

Tôi là người nghèo .....

(ghi theo nhóm đối tượng), có nhu cầu học nghề, nay làm đơn đề nghị được tham gia khoá học nghề do .....*(ghi đơn vị thực hiện đề án)* tổ chức tại:.....

Nghề đăng ký học:.....

Đề nghị các cơ quan có thẩm quyền xem xét và giải quyết cho tôi được học nghề. Tôi xin cam kết:.....

**Xác nhận của UBND cấp xã**

Xác nhận ông/bà..... có hộ khẩu thường trú tại xã, thuộc gia đình hộ nghèo trong danh sách do xã quản lý, chưa qua đào tạo nghề hoặc phải chuyển đổi nghề.

*(Ký tên và đóng dấu)*

....., ngày ..... tháng ..... năm 201...

**Người làm đơn**

*(Ký và ghi rõ họ tên)*

**Danh sách trích ngang các cán bộ quản lý đề án, giảng viên, chuyên gia, cán bộ tư vấn**  
*(Áp dụng: (1) cho hoạt động đào tạo, truyền nghề/đào tạo, tập huấn khởi sự, quản trị doanh nghiệp nông thôn và cán bộ khuyến công (2) biên soạn chương trình, tài liệu đào tạo; (3) hỗ trợ thuê tư vấn khuyến công và cán bộ tư vấn khuyến công)*

STT	Họ và tên	Ngày tháng năm sinh	Hộ khẩu thường trú	Chức vụ, cơ quan hoặc đơn vị công tác	Trình độ chuyên môn	Thâm niên công tác về lĩnh vực chuyên môn có liên quan (năm)	Tên các dự án, đề án, công trình tương tự đã tham gia	Ghi chú
<b>I</b>	<b>Cán bộ quản lý đề án</b>							
1								
2								
3								
<b>II</b>	<b>Giảng viên (chuyên gia/cán bộ tư vấn)</b>							
1								
2								
3								
4								

**Xác nhận của Sở Công Thương/  
 hoặc cơ quan chủ quản**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....  
**Đơn vị thực hiện đề án**  
*(Ký tên và đóng dấu)*

**BÁO CÁO KẾT QUẢ  
THỰC HIỆN DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG HẠ TẦNG  
CỤM CÔNG NGHIỆP .....**

**I. Một số thông tin chung:**

**1. Tên Cụm công nghiệp:**

**2. Địa điểm:**

**3. Diện tích:**

**4. Thông tin về chủ đầu tư**

4.1. *Nếu chủ đầu tư là doanh nghiệp:* tên doanh nghiệp (DN); năm thành lập; ngành nghề kinh doanh chủ yếu; vốn kinh doanh; số lao động ...

4.2. *Nếu chủ đầu tư là đơn vị sự nghiệp:* tên đơn vị, cơ cấu tổ chức, số lượng biên chế, Quyết định thành lập (nếu có),...

**II. Kết quả thực hiện (tính đến thời điểm báo cáo)**

**1. Tình hình thực hiện đầu tư xây dựng hạ tầng cụm công nghiệp**

1.1. Kết quả thực hiện:

TT	Hạng mục	Giá trị theo QĐ phê duyệt (tr. đồng)	Khối lượng đã thi công (tr. đồng)	Nguồn vốn
1	Đền bù, giải phóng mặt bằng			
2	San tạo mặt bằng			
3	Hệ thống đường giao thông nội bộ			
4	Hệ thống cấp, thoát nước			
5	Hệ thống cấp điện, thông tin liên lạc,...			
6	Hệ thống xử lý nước thải			
7	Các công trình dùng chung: (nhà l/v, cây xanh, tường rào, cổng,...)			
	Khác:			
	<b>Tổng số</b>			

1.2. Đánh giá chung:

**2. Tình hình thu hút đầu tư vào cụm CN**

2.1. Kết quả thực hiện:

TT	Chỉ tiêu	Đăng ký đầu tư	Thực hiện đầu tư	Ghi chú
1	Số lượng (số DN)			
2	Diện tích đất thuê (ha)			
3	Nguồn vốn (tỷ đồng)			
4				

2.2. Đánh giá chung:

### III. Kế hoạch thực hiện

1. Kế hoạch đầu tư xây dựng (trong năm xin hỗ trợ):

TT	Hạng mục	Trị giá (tỷ đồng)	Nguồn vốn	Ghi chú
1	Chi phí xây dựng			
2	Chi phí quản lý dự án + Tư vấn đầu tư			
3	Chi phí khác + đền bù, GPMB			
4	Chi phí dự phòng:			
	Khác:			
	<b>Tổng số</b>			

2. Dự kiến xin hỗ trợ từ nguồn kinh phí KCQG

TT	Hạng mục	Trị giá (Tr.đồng)	Kinh phí KCQG (Tr.đồng)	Nguồn vốn khác (Tr.đồng)
1	San lấp mặt bằng			
2	Hệ thống đường giao thông nội bộ			
3	Hệ thống cấp, thoát nước			
4	Hệ thống xử lý nước thải			
	Hạng mục khác:			
	<b>Tổng số</b>			

IV. Đề xuất kiến nghị (nếu có):

**Thủ trưởng đơn vị**  
(Ký tên và đóng dấu)

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO NGHỀ

1. Tên nghề đào tạo:
2. Đối tượng đào tạo:
2. Thời gian đào tạo một khóa:
3. Hình thức đào tạo:

### A. MỤC TIÊU ĐÀO TẠO

1. Về kiến thức
2. Về kỹ năng
3. Về thái độ

### B. ĐỀ CƯƠNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

T T	Tên môn học	Nội dung chương trình	Thời lượng môn học (giờ)			Ghi chú
			Tổng số	Lý thuyết	Thực hành	
<b>I. Phân phối thời gian đào tạo các môn học</b>						
1						
2						
<b>II. Kiểm tra kết thúc môn học</b>						
1						
	<b>Tổng (I+II)</b>					

### C. YÊU CẦU GIẢNG VIÊN

1. Dạy lý thuyết:.....giảng viên chính; là ..... (thợ gói hay nghệ nhân,...); Phụ giảng:.....người

2. Dạy thực hành .... giảng viên chính; là ..... (thợ gói hay nghệ nhân,...); Phụ giảng:.....người

**Xác nhận của Sở Công Thương/  
hoặc cơ quan chủ quản**  
(Ký tên và đóng dấu)

....., ngày ..... tháng ..... năm 20  
**Đơn vị thực hiện đề án**  
(Ký tên và đóng dấu)

**Phụ lục 3**  
**MẪU DỰ TOÁN CHI TIẾT MỘT SỐ LOẠI ĐỀ ÁN**  
*(Kèm theo Công văn số 197 /CNĐP-QLKC ngày 14 tháng 6 năm 2010*  
*của Cục Công nghiệp địa phương)*

**MẪU 1: Dự toán chi tiết đề án đào tạo nghề, truyền nghề**

TT	Diễn giải nội dung	ĐV T	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
<b>1</b>	<b>Chi tổ chức lớp học</b>						
<b>1.1</b>	<b>Chi phí tổ chức lớp</b>						
-	Chi phí tuyển sinh, khai giảng						
-	Bể giảng cấp chứng chỉ nghề						
<b>1.2</b>	<b>Thuê giáo viên</b>						
-	Thuê giáo viên dạy lý thuyết						
-	Thuê giáo viên dạy thực hành						
<b>1.3</b>	<b>Thuê lớp học, nhà xưởng, máy móc thiết bị (nếu có)</b>						
-	Thuê lớp học						
-	Thuê nhà xưởng						
-	Thuê máy móc, thiết bị (Chi tiết từng loại)						
1.4	Thuê/mua dụng cụ học nghề (Chi tiết của từng dụng cụ)						
1.5	Chi cho công tác quản lý lớp học						
-	Chi cho công tác quản lý						
-	Chi khác (						
<b>2</b>	<b>Chi hỗ trợ nguyên vật liệu (chi tiết từng loại nguyên vật liệu)</b>						
-	VD: - Vải (50Hv *30m)	m	1500	14	21.000	15.000	6.000
	- Chi.....						
	- Phụ liệu						
<b>3</b>	<b>Biên soạn, phô tô giáo trình (nếu có)</b>						
	<b>Tổng cộng</b>						



**MẪU 2: Dự toán chi tiết đề án đào tạo khởi sự, quản trị doanh nghiệp**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
<b>1</b>	<b>Chi cho giảng viên</b>						
1.1	Chi phí trả thù lao giảng viên						
1.2	Chi phí đi lại						
1.3	Chi phí tiền thuê phòng nghỉ						
<b>2</b>	<b>Chi tổ chức lớp học</b>						
2.1	Thuê phòng học, thiết bị (nếu có)						
2.2	Chi văn phòng phẩm phục vụ lớp học						
2.3	Chi mua/in ấn giáo trình, tài liệu phục vụ trực tiếp lớp học (không bao gồm tài liệu tham khảo)						
2.4	Chi tiền điện, tiền nước, phục vụ trông coi xe						
	Chi khai giảng, bế giảng, cấp chứng chỉ, khen thưởng học viên xuất sắc (nếu có)						
<b>3</b>	<b>Chi phí quản lý, phục vụ lớp học</b>						
<b>4</b>	<b>Chi tổ chức cho học viên đi khảo sát, thực tế</b>						
	<b>Tổng cộng</b>						

**MẪU 3: Dự toán chi tiết đề án xây dựng mô hình trình diễn kỹ thuật**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
<b>1</b>	<b>Chi phí xây dựng mô hình</b>						
1.1	Chi phí xây dựng cơ bản					X	
<b>1.2</b>	<b>Chi phí mua sắm thiết bị</b>						
1.2.1	Chi phí mua sắm thiết bị					X	
1.2.2	Chi phí công nghệ						
	- Cung cấp bí quyết công nghệ, biên soạn, in ấn tài liệu kỹ thuật						
	- Thuê chuyên gia tập huấn, hướng dẫn kỹ thuật						
<b>1.3</b>	<b>Chi phí sản xuất thử</b>						
	- Nguyên vật liệu						
	- Chi nhân công sản xuất thử						
<b>2</b>	<b>Chi hội nghị giới thiệu mô hình</b>					X	
	- Chi phí hội trường, trang trí, khánh tiết (nếu có)						
	- Tiền ăn đại biểu không hưởng lương từ ngân sách và doanh nghiệp						
	- Thuê xe đưa đón đại biểu từ nơi nghỉ đến nơi tổ chức cuộc họp						
	- Chi phí nước uống						
	- Tài liệu (photo, in ấn)						
	- Chi thông tin tuyên truyền (đăng báo, quay phim, chụp ảnh)						
	- Chi khác (tem thư, giấy mời)						
<b>3</b>	<b>Chi phí cán bộ chỉ đạo, quản lý</b> (chi phí đi công tác, làm thêm giờ)					X	
	<b>Tổng cộng</b>						

**Ghi chú:** Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ vào các mục có dấu (X), mục còn lại của dự toán chi vào nguồn khác.

**MẪU 4: Dự toán chi tiết đề án chuyển giao công nghệ**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí triển khai chuyển giao công nghệ					X	
1.1	<i>Cung cấp tài liệu, bí quyết kỹ thuật</i>						
1.2	<i>Tư vấn quản lý công nghệ, quản lý kinh doanh</i>						
2.	Đào tạo hướng dẫn quy trình công nghệ được chuyển giao					X	
2.1	.....						
2.2	.....						
3	Hướng dẫn thực hành sản xuất					X	
4	Mua tài liệu phục vụ công nghệ được chuyển giao					X	
5	Mua nguyên vật liệu sản xuất thử					X	
6	Hội nghị đánh giá nghiệm thu tổng kết tại cơ sở						
	<b>Cộng</b>						

**Ghi chú:** Kinh phí khuyến công quốc gia hỗ trợ vào các mục có dấu (X), mục còn lại của dự toán sử dụng nguồn khác.

**MẪU 5: Dự toán chi tiết đề án tham quan khảo sát ở nước ngoài  
của cơ sở công nghiệp nông thôn**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí vé máy bay khứ hồi						
2	Chi phí tiền nghỉ						
3	Chi phí tiền ăn, tiêu vật						
4	Taxi từ sân bay về khách sạn và ngược lại						
5	Tiền thuê xe đi làm hàng ngày tại nơi đến công tác						
6	Tiền điện thoại						
	<b>Cộng</b>						

**Ghi chú:** Kinh phí khuyến công quốc gia chỉ hỗ trợ 100% tiền vé máy bay khứ hồi (hạng Y), chi phí còn lại sử dụng kinh phí của cơ sở công nghiệp nông thôn.

**MẪU 6: Dự toán chi tiết đề án xây dựng và đăng ký thương hiệu  
sản phẩm công nghiệp nông thôn**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi khảo sát, thiết kế nhãn hiệu, đăng ký sở hữu nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên gọi xuất xứ						
2	Chi xây dựng quy chế, điều lệ, tài liệu liên quan						
3	Chi hội thảo, hội nghị tập huấn xây dựng, quản lý, sử dụng thương hiệu (chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội thảo, hội nghị)						
4	Chi tuyên truyền, quảng cáo phổ biến thương hiệu						
	<b>Cộng</b>						

**MẪU 7: Dự toán chi tiết lập quy hoạch chi tiết cụm công nghiệp**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi phí khảo sát đo đạc địa hình						
2	Chi lập nhiệm vụ quy hoạch chi tiết						
3	Chi lập đồ án quy hoạch chi tiết						
4	Chi thẩm định đồ án quy hoạch chi tiết						
5	Chi quản lý lập đồ án quy hoạch chi tiết						
	<b>Cộng</b>						

**MẪU 8: Dự toán chi tiết đề án thành lập hiệp hội, hội ngành nghề**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi khảo sát và vận động nhân sự tham gia hiệp hội, hội ngành nghề						
2	Chi lập đề án thành lập hiệp hội, hội ngành nghề						
3	Xây dựng dự thảo điều lệ, chương trình hành động của Hiệp hội và các thủ tục có liên quan để trình các cơ quan chức năng						
4	Chi phí tổ chức Đại hội thành lập hiệp hội, hội ngành nghề						
5	Chi hỗ trợ mua trang thiết bị cho hiệp hội, hội ngành nghề						
6	Chi khác						
	<b>Cộng</b>						

**MẪU 9: Dự toán chi tiết chi thành lập điểm tư vấn khuyến công**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						KPKC Q. gia (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi mua sách, tài liệu cho điểm tư vấn						
2	Chi mua trang thiết bị, dụng cụ phục vụ điểm tư vấn						
	Máy tính						
	Bàn ghế làm việc						
	.....						
	<b>Cộng</b>						

**MẪU 10: Dự toán chi tiết chi hình thành cụm liên kết DNCN**

TT	Diễn giải nội dung	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (1.000đ)	Thành tiền (1.000đ)	Trong đó	
						Nguồn KCQG (1.000đ)	Nguồn khác (1.000đ)
1	Chi điều tra khảo sát lập đề án, vẽ sơ đồ cụm						
2	Chi hội thảo, hội nghị tập huấn mô hình cụm liên kết <i>(chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội thảo, hội nghị)</i>						
3	Chi đào tạo tập huấn cán bộ phát triển cụm và cán bộ hỗ trợ kỹ thuật <i>(chi tiết theo nội dung chi theo quy định của hội thảo, hội nghị)</i>						
4	Chi xây dựng quy chế, điều lệ hoạt động của cụm						
	<b>Cộng</b>						